

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 322/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Thảo U, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Xóm E, xã F, huyện G, tỉnh Nghệ An. Tạm trú: Ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà U; bị đơn ông H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/10/2019, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị Thảo U trình bày:*

Bà Hoàng Thị Thảo U và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 09/11/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống.

Bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Quá trình chung sống, bà U và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016. Bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà U không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà U giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn của bà U; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà U; bản sao Phiếu khai báo tạm trú của ông H; bản sao Trích lục kết hôn của bà U và ông H; bản sao Giấy khai sinh của Nguyễn Hoàng G1; bản chính Bản tự khai của bà U; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 25/02/2020 của bà U.

Ngoài ra, bà U không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông H thống nhất với trình bày của bà Hoàng Thị Thảo U về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Trước yêu cầu ly hôn của bà U thì ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H thống nhất giữa bà U và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016. Ông H đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông H giao nộp: Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của ông H.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Hoàng Thị Thảo U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà U khởi kiện yêu cầu ly hôn và về việc nuôi con đôi với bị đơn ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm E, xã F, huyện G, tỉnh Nghệ An. Hiện ông H đăng ký tạm trú tại ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thảo U và bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà U, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Thảo U và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 073/2016 ngày 09/11/2016. Như vậy, hôn nhân giữa bà U và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà U trình bày quá trình chung sống bà U và ông H thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H thống nhất với trình bày của bà U về quan hệ hôn nhân, con chung, về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà U.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng tình cảm vững chắc, sự tôn trọng, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng phải cùng nhau chung sức xây dựng gia đình nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H không đạt được các yếu tố trên. Quá trình giải quyết vụ án bà U và ông H đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành động viên, hòa giải đoàn tụ cho các đương sự, điều này cũng thể hiện rõ bà U và ông H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với nhau; bà U và ông H cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H đã trầm trọng. Vì vậy, việc bà U yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình giải quyết vụ án bà U và ông H thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016. Bà U yêu cầu

được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, ý kiến của bà U, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà U, ông H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn ông H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thảo U đối với ông Nguyễn Văn H về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thảo U được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016 cho bà Hoàng Thị Thảo U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng G1, sinh ngày 24/12/2016 mỗi tháng 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Hoàng Thị Thảo U và ông Nguyễn Văn H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người

không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị Thảo U và ông Nguyễn Văn H không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thảo U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà U đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032292 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam

